

CÔNG TY TNHH NSQ VINA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NSQ VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NSQ VINA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NSQ VINA

2. Mã số doanh nghiệp: 0110341041

3. Ngày thành lập: 04/05/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

LK56, Khu đấu giá Lò Gạch, Xã Cự Khê, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0948612666

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
6.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
8.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
10.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
11.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
13.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn hóa chất (loại Nhà nước cho phép)	4669(Chính)
14.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
15.	Trồng cây hàng năm khác	0119
16.	Trồng cây ăn quả	0121
17.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
18.	Trồng cây lâu năm khác	0129
19.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
20.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
21.	Chăn nuôi gia cầm	0146

22.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
23.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
24.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
26.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
27.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
28.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
29.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
30.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
31.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
32.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
33.	Quảng cáo	7310
34.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
35.	Cho thuê xe có động cơ	7710
36.	Bán buôn tổng hợp	4690
37.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
38.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
39.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
40.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
41.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
42.	In ấn	1811
43.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
44.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
45.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
46.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
47.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
48.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
49.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
50.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
51.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
52.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
53.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399

54.	Đúc sắt, thép	2431
55.	Đúc kim loại màu	2432
56.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
57.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
58.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
59.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
60.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
61.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
62.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
63.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
64.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
65.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
66.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
67.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
68.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
69.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
70.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
71.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
72.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
73.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
74.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
75.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
76.	Bốc xếp hàng hóa	5224
77.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
78.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
79.	Cơ sở lưu trú khác	5590
80.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
81.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
82.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
83.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
84.	Xuất bản phần mềm	5820
85.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
86.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729

87.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
88.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
89.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
90.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
91.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
92.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
93.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
94.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
95.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
96.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
97.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
98.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
99.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
100.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
101.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
102.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
103.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
104.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
105.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
106.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
107.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
108.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
109.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
110.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
111.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
112.	Xây dựng nhà để ở	4101
113.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
114.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
115.	Xây dựng công trình điện	4221
116.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
117.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
118.	Phá dỡ	4311
119.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
120.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

121.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
122.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
123.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
124.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
125.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
126.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
127.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
128.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
129.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 6.800.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGÔ VĂN THANH	Việt Nam	CC Bemes, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.400.000.000	50,000	027086000123	
2	NGUYỄN THỊ HỒNG NHU	Việt Nam	P710-CT6C CC Bemes, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.400.000.000	50,000	022188000597	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HỒNG NHU

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 10/07/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 022188000597

Ngày cấp: 18/11/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *P710 – CT6C CC Bemes, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *P710 – CT6C CC Bemes, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội